



C. 念一念 Reading

niàn yí niàn

請聽 CD，念一念下面的詞彙。

qīng tīng niàn yí niàn xià miàn de cí huì

Listen to the CD and read the vocabulary and sentence patterns below.

1.



nǐ hǎo



nǎi nai



nán shēng



nǚ shēng

2.



Lǐ dà wén



Lín dōng míng



Zhāng lì

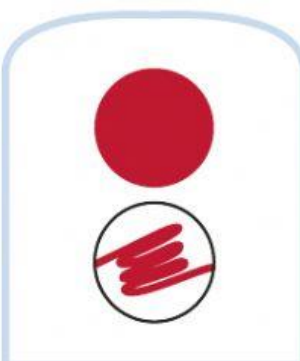


lǎo shī

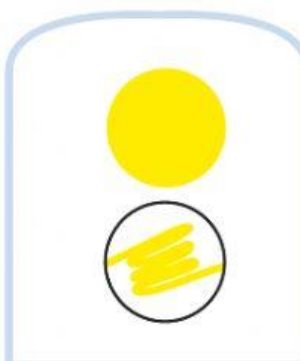
3.



nǐ hǎo



hóng sè



huáng sè



hóu zi

4.



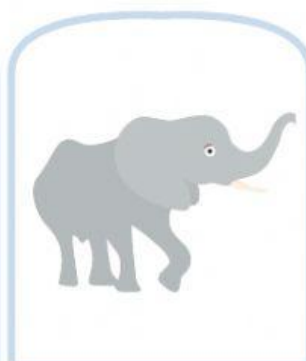
Lǐ dà wén



Lín dōng míng



dàn gāo



dà xiàng



5.



Lǐ dà wén



dà xiàng



bà ba



mā ma

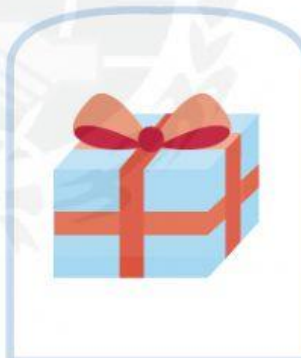
6.



Lǐ dà wén



nǐ hǎo



lǐ wù



dì dì